TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 81/2026/QĐST- DS	*Quảng Trị, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 114/2026/TLST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A);

Địa chỉ: số B đường L, phường G, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh B;

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Khắc Ngọc T - Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng N - Chi nhánh B; địa chỉ: Số C đường H, TDP A, xã H, tỉnh Quảng Trị.

(Theo Giấy ủy quyền số: 2924/GUQ-NHNo.BQB-TH ngày 28/11/2026 của Giám đốc A - Chi nhánh B).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn V1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; ông bà đều trú địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị (Nay là: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Trị).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận số nợ phải thanh toán: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 17/HĐTD ngày 06/01/2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo được ký kết giữa ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị P và Ngân hàng N - A chi nhánh B1**.** Tính đến hết ngày 31/7/2026, tổng số nợ của ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị P tại A Chi nhánh B là: 3.924.371.084 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm tám mươi tư đồng), trong đó: Nợ gốc là: 2.371.761.111 đồng. Nợ lãi là: 1.552.609.973 đồng (Lãi trong hạn: 1.127.480.847 đồng; Lãi quá hạn: 278.893.115 đồng; Lãi chậm trả: 146.236.011 đồng).

2.2. Về phương án và thời gian trả nợ như sau:

Ông Nguyễn V1 và bà Nguyễn Thị P phải trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền 3.924.371.084 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm tám mươi tư đồng) vào ngày 15/8/2026.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập biên bản hòa giải thành là ngày 01/8/2026, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 17/HĐTD ngày 06/01/2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo được ký kết giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị P cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Nguyễn V1 - bà Nguyễn Thị P không trả được nợ cho Ngân hàng N thì đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thi hành án, thu hồi nợ cho ngân hàng. Tài sản thế chấp là Tàu cá vỏ gỗ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 17/HĐTC-TS ngày 09/12/2016 đã ký giữa A chi nhánh B với ông Nguyễn V1 - bà Nguyễn Thị P theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60666; số đăng ký QB-92539-TS: Chủ tàu: N Nơi thường trú: Đ - B - Quảng Bình; Cơ quan đăng ký: Chi cục Thủy sản Q; Loại tàu: Đánh cá; Công dụng: Chụp mực, câu; Năm đóng: 2016; Nơi đóng: Quảng Bình; Mẫu thiết kế: ĐD-QB-77-16; Cơ quan thiết kế: Công ty CP D1; Cảng đăng ký: Gianh; Cơ quan đăng kiểm: Trung tâm Đ1; Cấp tại: Quảng Bình, ngày 22 tháng 11 năm 2016; Vào sổ ĐKTCQG số: Đ, ngày 22 tháng 11 năm 2016, số đăng ký cũ: đóng mới. Máy tàu KOMATSU-6M122AP-1. Máy tàu YANMAR 6GH-UT.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán, đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn V1 - bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục thanh toán toàn bộ phần nợ còn thiếu cho A cho đến khi nghĩa vụ trả nợ được thực hiện đầy đủ.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Ông Nguyễn V1 và chị Võ Thị P1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 55.243.710 đồng (Năm mươi lăm triêuh, hai trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm mười đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 54.366.186 đồng (Năm mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0001472 ngày 07/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang